TÓM TẮT BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

Quy tắc bảo hiểm áp dụng	Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe ô tô ban hành kèm theo quyết định số 1686/QĐ-PHH ngày 16 tháng 06 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
Phạm vi bảo hiểm	BIC chịu trách nhiệm bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau: - Đâm, va, lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe ô tô; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào; - Hành động ác ý không phải của Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe. - Hỏa hoạn, cháy, nổ. - Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra. - Mất toàn bộ xe ô tô do trộm, cướp. Ngoài ra, BIC còn thanh toán những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của BIC khi xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm, bao gồm: - Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm. - Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe ô tô bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất (không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm). Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của BIC đối với một vụ tổn thất không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên HĐBH.
Các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	BIC không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau: 1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, lái xe, những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, chiếm hữu, khai thác, sử dụng xe ô tô, thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm. 2. Tại thời điểm xảy ra tổn thất, xe đang hoạt động nhưng không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới (gọi tắt là Đăng kiểm) hợp lệ hoặc Đăng kiểm không còn hiệu lực, không phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc thông số kỹ thuật thực tế của xe không trùng khớp với thông số kỹ thuật ghi trên Đăng kiểm (trừ các trường hợp thay đổi thông số lốp và/hoặc đường kính lazang của xe phù hợp với thông số kỹ thuật theo khuyến cáo của nhà sản xuất) trừ trường hợp có thỏa thuận khác. 3. Lái xe không đủ điều kiện về độ tuổi theo quy định của Luật giao thông đường bộ, lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe ô tô bắt buộc phải có Giấy phép lái xe (Giấy phép lái xe bao gồm: Giấy phép lái xe, bằng hoặc chứng chỉ nghề điều khiển thiết bị chuyên dùng). Trường hợp lái xe ô tô bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe ô tô có thời hạn hoặc không thời hạn, hoặc bị tạm giữ Giấy phép lái xe ô tô mà quá

lịch hẹn của cơ quan công an nhưng lái xe không đến giải quyết thì được coi là không có Giấy phép lái xe ô tô.

4. Lái xe ô tô trong tình trạng có nồng độ cồn vượt quá 50mg/100ml máu hoặc 0,25mg/1 lít khí thở; hoặc sử dụng ma túy, chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.

5. Xe ô tô đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều (đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều"), rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe ô tô đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định, xe ô tô dừng, đỗ, lùi trái quy định trên cầu hoặc trên đường cao tốc bao gồm cả đường ra, vào đường cao tốc (trừ trường hợp bất khả kháng).

6. Xe hoạt động, dừng, đỗ trong phạm vi an toàn của đường sắt theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Đua xe ô tô (hợp pháp hoặc trái phép) hoặc xe ô tô được bảo hiểm dùng để kéo xe ô tô khác không tuân thủ quy định của pháp luật.

8. Xe ô tô chở hàng trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa.

9. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ khi có thỏa thuận khác.

10. Tổn thất phát sinh từ chiến tranh, khủng bố.

11. Xe ô tô chở quá tải trọng, cẩu quá tải trọng, kéo quá khối lượng kéo theo cho phép hoặc chở quá số lượng người (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) trên 50% theo quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

12. Xe chạy vượt quá 50% tốc độ cho phép theo quy định của pháp luật.

13. Tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, giảm giá trị thương mại, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng (bao gồm cả chạy thử).

14. Hư hỏng động cơ do xe hoạt động trong vùng hoặc đường đang bị ngập nước hoặc do nước lọt vào động cơ gây nên hiện tượng thủy kích đối với động cơ đốt trong hoặc gây hư hỏng động cơ điện của xe ô tô điện (trừ trường hợp xe đang hoạt động bị tai nạn bất ngờ đâm xuống ao, hồ, sông, suối hoặc các trường hợp tương tự khác dẫn đến hư hỏng động cơ), trừ khi có thỏa thuận khác.

15. Tổn thất đối với săm lốp, bạt thùng xe ô tô, nhãn mác, logo biểu tượng, tem chữ, ốp chụp lazang, chìa khóa cơ/chìa khóa điện/điều khiển điện của xe, tấm lót gầm trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe ô tô trong cùng một vụ tai nạn.

16. Mất bộ phận của xe ô tô do bị trộm cắp hoặc bị cướp, trừ khi có thỏa thuận khác.

17. Mất toàn bộ xe ô tô trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô (xe ô tô cho thuê hoặc xe ô tô cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp).

	18. Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện, điện tử, dây dẫn điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện hoặc do bất kỳ nguyên nhân nào ngoại trừ nguyên nhân thuộc phạm vi bảo hiểm. 19. Tổn thất các thiết bị lắp thêm trên xe ô tô ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe ô tô: hệ thống báo động, cản trước, cản sau), trừ khi có thỏa thuận khác. 20. Tổn thất do hàng hóa, vật phẩm chở trên xe gây thiệt hại cho chính chiếc xe đó mà không xuất phát từ nguyên nhân: đâm, va đập, lật, đổ xe. 21. Tổn thất với xe ô tô điện, xe ô tô lai điện: - Do bộ pin điện động cơ gây ra trong mọi trường hợp. - Do sử dụng các thiết bị không đồng bộ, không tương thích theo quy định của nhà sản xuất. - Do thao tác của Người được bảo hiểm/Lái xe/Nhân viên kỹ thuật không tuân thủ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất trong quá trình sử dụng, kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế, lắp ráp. 22. Thiệt hại về động cơ điện, các bộ phận máy móc, thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện hoặc do bất kỳ nguyên nhân nào không thuộc phạm vi bảo hiểm nêu tại Điều 12 của Quy tắc bảo hiểm này.
Giảm trừ bồi thường	BIC thực hiện giảm trừ bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây: 1. Giảm 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau: - Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe không thông báo tổn thất cho BIC bằng văn bản hoặc khai báo điện tử trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng). - Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về tài sản, không bảo vệ hiện trường tổn thất, không thông báo kịp thời cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất theo hướng dẫn của BIC (trừ trường hợp bất khả kháng). 2. Giảm 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau: - Lái xe tự ý rời khỏi hiện trường (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền). - Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe tự ý di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của BIC (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền). - Lái xe ô tô vi phạm vượt quá tốc độ cho phép từ 20% đến 50%. 3. Giảm 50% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau: - Không tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác

	minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ, hồ sơ yêu cầu bồi thường. - Không hợp tác trong quá trình phối hợp giải quyết bồi thường. - Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe thiếu trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường. 4. Giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường trong trường hợp sau: Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho BIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với BIC để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho BIC không theo hướng dẫn hoặc khi chưa có ý kiến của BIC. 5. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá tải trọng, cẩu quá tải trọng, kéo quá khối lượng kéo theo cho phép, chở quá số người (từ trên 20% đến 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới. 6. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường: Khi Người được bảo hiểm bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, BIC sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.
Mức khấu trừ	- Mức khấu trừ là số tiền được quy định trên HĐBH mà Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi vụ tổn thất bộ phận của xe ô tô. - BIC không bồi thường các mức khấu trừ được quy định trên HĐBH đối với mỗi tổn thất sau khi đã áp dụng tất cả các điều kiện, điều khoản của HĐBH. - Mức khấu trừ được quy định cụ thể trên HĐBH, tối thiểu là 500.000 đồng/vụ tổn thất.